

DANH MỤC KỸ THUẬT CHUYÊN KHOA X QUANG

STT	MÃ	DANH MỤC KỸ THUẬT	Phân loại kỹ thuật
		A. SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN	
		1. Siêu âm đầu, cổ	
1	2030.18.1	Siêu âm tuyến giáp	T3
2	2030.18.2	Siêu âm các tuyến nước bọt	T3
3	2030.18.3	Siêu âm cơ phần mềm vùng cổ mặt	T2
4	2030.18.4	Siêu âm hạch vùng cổ	T2
5	2030.18.7	Siêu âm qua thóp	T2
		2. Siêu âm vùng ngực	
6	2030.18.11	Siêu âm màng phổi	T2
7	2030.18.12	Siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành ngực)	T2
8	2030.18.13	Siêu âm các khối u phổi ngoại vi	T2
		3. Siêu âm ổ bụng	
9	2030.18.15	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	T3
10	2030.18.16	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)	T3
11	2030.18.17	Siêu âm tiền liệt tuyến qua trực tràng	T2
12	2030.18.18	Siêu âm tử cung phần phụ	T3
13	2030.18.19	Siêu âm ống tiêu hóa (dạ dày, ruột non, đại tràng)	T2
14	2030.18.20	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)	T3
15	2030.18.21	Siêu âm Doppler các khối u trong ổ bụng	T2
16	2030.18.22	Siêu âm Doppler gan lách	T2
17	2030.18.23	Siêu âm Doppler mạch máu ổ bụng (động mạch chủ, mạc treo tràng trên, thân tạng...)	T2
18	2030.18.24	Siêu âm Doppler động mạch thận	T2
19	2030.18.25	Siêu âm Doppler tử cung phần phụ	T2
20	2030.18.26	Siêu âm Doppler thai nhi (thai, nhau thai, dây rốn, động mạch tử cung)	T2
21	2030.18.27	Siêu âm 3D/4D khối u	T2
22	2030.18.28	Siêu âm 3D/4D thai nhi	T2
23	2030.18.29	Siêu âm Doppler tĩnh mạch chậu, chủ dưới	T2
		4. Siêu âm sản phụ khoa	
24	2030.18.30	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng	T3
25	2030.18.31	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo	T3
26	2030.18.32	Siêu âm Doppler tử cung, buồng trứng qua đường bụng	T2
27	2030.18.33	Siêu âm Doppler tử cung, buồng trứng qua đường âm đạo	T2
28	2030.18.34	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu	T3
29	2030.18.35	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa	T3
30	2030.18.36	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối	T3
31	2030.18.37	Siêu âm Doppler động mạch tử cung	T2
32	2030.18.38	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng đầu	T2
33	2030.18.39	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng giữa	T2
34	2030.18.40	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng cuối	T2
35	2030.18.41	Siêu âm 3D/4D thai nhi	T2
36	2030.18.42	Siêu âm tầm soát dị tật thai nhi	T2
		5. Siêu âm cơ xương khớp	
37	2030.18.43	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay....)	T2
38	2030.18.44	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ....)	T2
		6. Siêu âm tim, mạch máu	
39	2030.18.45	Siêu âm Doppler động mạch, tĩnh mạch chi dưới	T2

40	2030.18.48	Doppler động mạch cảnh, Doppler xuyên sọ	T2
41	2030.18.49	Siêu âm tim, màng tim qua thành ngực	T2
42	2030.18.52	Siêu âm Doppler tim, van tim	T2
43	2030.18.53	Siêu âm 3D/4D tim	T2
		7. Siêu âm vú	
44	2030.18.54	Siêu âm tuyến vú hai bên	T2
45	2030.18.55	Siêu âm Doppler tuyến vú	T2
		8. Siêu âm bộ phận sinh dục nam	
46	2030.18.57	Siêu tinh hoàn hai bên	T2
47	2030.18.58	Siêu âm Doppler tinh hoàn, mào tinh hoàn hai bên	T2
48	2030.18.59	Siêu âm dương vật	T2
		9. Siêu âm với kỹ thuật đặc biệt	
49	2030.18.61	Siêu âm trong mổ	T2
		B. CHỤP XQUANG CHẨN ĐOÁN THƯỜNG QUY HOẶC KỸ THUẬT SỐ (CR hoặc DR)	
		1. Chụp Xquang chẩn đoán thường quy	
50	2030.18.67	Chụp Xquang sọ thẳng nghiêng	T3
51	2030.18.68	Chụp Xquang mắt thẳng nghiêng	T3
52	2030.18.69	Chụp Xquang mắt thấp hoặc mắt cao	T3
53	2030.18.70	Chụp Xquang sọ tiếp tuyến	T3
54	2030.18.71	Chụp Xquang hốc mắt thẳng nghiêng	T3
55	2030.18.72	Chụp Xquang Blondeau	T3
56	2030.18.73	Chụp Xquang Hirtz	T3
57	2030.18.74	Chụp Xquang hàm chéch một bên	T3
58	2030.18.75	Chụp Xquang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến	T3
59	2030.18.76	Chụp Xquang hố yên thẳng hoặc nghiêng	T3
60	2030.18.77	Chụp Xquang Chausse III	T3
61	2030.18.78	Chụp Xquang Schuller	T3
62	2030.18.79	Chụp Xquang Stenvers	T3
63	2030.18.80	Chụp Xquang khớp thái dương hàm	T3
64	2030.18.81	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical)	T3
65	2030.18.82	Chụp Xquang răng cánh cắn (Bite wing)	T3
66	2030.18.83	Chụp Xquang răng toàn cảnh	T2
67	2030.18.84	Chụp Xquang phim cắn (Occlusal)	T3
68	2030.18.85	Chụp Xquang mỏm trâm	T3
69	2030.18.86	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng	T3
70	2030.18.87	Chụp Xquang cột sống cổ chéch hai bên	T3
71	2030.18.88	Chụp Xquang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế	T3
72	2030.18.89	Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2	T3
73	2030.18.90	Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chéch	T3
74	2030.18.91	Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng	T3
75	2030.18.92	Chụp Xquang cột sống thắt lưng chéch hai bên	T3
76	2030.18.93	Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng	T3
77	2030.18.94	Chụp Xquang cột sống thắt lưng động, gập uốn	T3
78	2030.18.95	Chụp Xquang cột sống thắt lưng De Sèze	T3
79	2030.18.96	Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng	T3
80	2030.18.97	Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chéch hai bên	T3
81	2030.18.98	Chụp Xquang khung chậu thẳng	T3
82	2030.18.99	Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chéch	T3
83	2030.18.100	Chụp Xquang khớp vai thẳng	T3
84	2030.18.101	Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chéch	T3
85	2030.18.102	Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng	T3
86	2030.18.103	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng	T3
87	2030.18.104	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chéch	T3
88	2030.18.105	Chụp Xquang khớp khuỷu gập (Jones hoặc Coyle)	T3

89	2030.18.106	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng	T3
90	2030.18.107	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch	T3
91	2030.18.108	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch	T3
92	2030.18.109	Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên	T3
93	2030.18.110	Chụp Xquang khớp háng nghiêng	T3
94	2030.18.111	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng	T3
95	2030.18.112	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch	T3
96	2030.18.113	Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè	T3
97	2030.18.114	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng	T3
98	2030.18.115	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch	T3
99	2030.18.116	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch	T3
100	2030.18.117	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng	T3
101	2030.18.118	Chụp Xquang toàn bộ chi dưới thẳng	T2
102	2030.18.119	Chụp Xquang ngực thẳng	T3
103	2030.18.120	Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên	T3
104	2030.18.121	Chụp Xquang xương ức thẳng, nghiêng	T3
105	2030.18.122	Chụp Xquang khớp ức đòn thẳng chếch	T3
106	2030.18.123	Chụp Xquang đỉnh phổi ưỡn	T3
107	2030.18.124	Chụp Xquang thực quản cổ nghiêng	T3
108	2030.18.125	Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng	T3
109	2030.18.129	Chụp Xquang phim đo sọ thẳng, nghiêng (Cephalometric)	T2
		2. Chụp Xquang chẩn đoán có chuẩn bị	
110	2030.18.130	Chụp Xquang thực quản dạ dày	T2
111	2030.18.131	Chụp Xquang ruột non	T2
112	2030.18.132	Chụp Xquang đại tràng	T2
113	2030.18.135	Chụp Xquang đường dò	T2